

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 209/2013/TT-BTC

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2013

THÔNG TƯ**Hướng dẫn chế độ tài chính đối với Công ty quản lý tài sản
của các tổ chức tín dụng Việt Nam***Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;**Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;**Căn cứ Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;**Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;**Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính;**Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn chế độ tài chính đối với Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.***Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này hướng dẫn chế độ tài chính đối với Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi tắt là VAMC).

2. Chế độ tài chính của VAMC thực hiện theo quy định của pháp luật đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định số 53/2013/NĐ-CP), các nội dung hướng dẫn cụ thể tại Thông tư này và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Vốn hoạt động của VAMC

1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu gồm:

1.1. Vốn điều lệ 500 tỷ đồng;

1.2. Quỹ đầu tư phát triển được trích theo chế độ quy định;

1.3. Các nguồn vốn chủ sở hữu khác theo quy định của pháp luật đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Vốn huy động:

2.1. Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

2.2. Các nguồn vốn huy động khác theo quy định của pháp luật đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 3. Sử dụng vốn, tài sản

1. VAMC có trách nhiệm quản lý, sử dụng, theo dõi toàn bộ tài sản và vốn hiện có, thực hiện hạch toán theo đúng chế độ kế toán hiện hành; phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời tình hình sử dụng, biến động của vốn và tài sản trong quá trình kinh doanh; xác định trách nhiệm và hình thức xử lý đối với từng bộ phận, cá nhân trong trường hợp làm hư hỏng, mất mát tài sản, tiền vốn của VAMC.

2. VAMC được sử dụng vốn hoạt động để phục vụ hoạt động kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 53/2013/NĐ-CP, các hướng dẫn cụ thể tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan theo nguyên tắc đảm bảo an toàn và phát triển vốn:

2.1. Trái phiếu đặc biệt chỉ được sử dụng để mua nợ xấu của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 1, Điều 7 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP.

2.2. VAMC được sử dụng các nguồn vốn hợp pháp của VAMC ngoại trừ trái phiếu đặc biệt để mua các khoản nợ xấu theo giá trị thị trường theo quy định tại khoản 2, Điều 7 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP. Khoản nợ VAMC mua theo giá trị thị trường khi chuyển thành vốn góp, vốn cổ phần được xác định là một khoản đầu tư. VAMC thực hiện theo dõi và hạch toán khoản đầu tư này theo quy định của pháp luật.

2.3. VAMC được sử dụng vốn để đầu tư, mua sắm tài sản cố định phục vụ hoạt động của VAMC theo nguyên tắc trang bị phù hợp với nhu cầu hoạt động của VAMC, hiệu quả, tiết kiệm và tuân thủ các quy định của Nhà nước đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ về đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định.

2.4. VAMC chỉ được sử dụng vốn để đầu tư ra ngoài (không thông qua việc mua bán nợ và tài sản) dưới các hình thức sau:

a) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại nhà nước;

b) Tham gia góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP.

2.5. Sửa chữa, nâng cấp tài sản đảm bảo đã được VAMC thu nợ theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 12 Nghị định 53/2013/NĐ-CP nhằm mục đích gia tăng giá trị, tạo thuận lợi cho việc xử lý tài sản để thu hồi nợ.

2.6. VAMC được sử dụng vốn để đầu tư, cung cấp tài chính cho khách hàng vay để xử lý khó khăn tài chính tạm thời và phục hồi sản xuất kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định 53/2013/NĐ-CP.

3. VAMC thực hiện trích lập các khoản dự phòng rủi ro vào chi phí hoạt động theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Điều 4. Trích lập và sử dụng dự phòng

1. Đối với các khoản nợ xấu được mua theo giá trị thị trường: VAMC thực hiện trích lập và sử dụng dự phòng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Đối với các khoản bảo lãnh quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định 53/2013/NĐ-CP, các khoản đầu tư, cung cấp tài chính cho khách hàng vay dưới hình thức bảo lãnh, cho vay: VAMC thực hiện trích lập và sử dụng dự phòng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng.

3. Đối với dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng phải thu khó đòi (trừ các khoản phải thu từ tổ chức tín dụng): VAMC thực hiện trích lập và sử dụng dự phòng theo quy định chung áp dụng đối với doanh nghiệp.

4. Đối với khoản cung cấp tài chính khác: VAMC thực hiện trích lập và sử dụng dự phòng như đối với khoản đầu tư tài chính.

Điều 5. Quản lý, sử dụng và hoàn trả khoản tạm ứng từ các tổ chức tín dụng bán nợ xấu

1. VAMC được nhận một khoản tạm ứng bằng tiền từ các tổ chức tín dụng khi mua nợ bằng trái phiếu đặc biệt để có kinh phí trang trải các chi phí liên quan đến việc xử lý nợ xấu. Mức tạm ứng cụ thể theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. VAMC phải theo dõi riêng từng khoản tạm ứng để hoàn trả cho tổ chức tín dụng bán nợ.

3. VAMC sử dụng các khoản thu hợp pháp để hoàn trả các khoản tạm ứng đã nhận từ các tổ chức tín dụng bán nợ khi xử lý được nợ hoặc khi đến hạn trái phiếu đặc biệt.

Điều 6. Doanh thu, chi phí

1. Các nội dung doanh thu, chi phí của VAMC thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 23 Nghị định 53/2013/NĐ-CP.

2. Các khoản doanh thu, chi phí của VAMC phải có hóa đơn hoặc chứng từ hợp lý, hợp lệ và phải được hạch toán đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật về kế toán.